

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 – 4 – 2022

“V/v Ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Lựu

2. Ông Huỳnh Văn Đường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hồ Yến Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 262/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXX - ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST – HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979 (Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn H, xã L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn Đ tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 08/6/2015. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông Đ đam mê cờ bạc, không chí thú làm ăn dẫn đến nợ nần trong gia đình, bà H đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông Đ không sửa đổi. Bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà H và ông Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của ông Đ.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Phạm Văn Đ, đồng thời bị đơn cư trú tại thôn H, xã L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây vụ án “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 08/6/2015. Do vậy, hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, kết quả xác minh tại địa phương thì quá trình chung sống bà H và ông Đ có mâu thuẫn cãi vã nhưng không rõ mâu thuẫn về việc gì, cũng chưa nhờ chính quyền địa phương hòa giải lần nào và hiện nay ông Đ bà H đã không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H được ly hôn với ông Đ.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 57; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0008xxx ngày 28/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND xã S, huyện Ninh Sơn,
tỉnh Ninh Thuận (Số 40/2015,
Quyển số 01/2014 ngày 18/6/2015);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt